

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

LÝ LỊCH KHOA HỌC

(Dành cho ứng viên/thành viên các Hội đồng Giáo sư)



1. Thông tin chung

- Họ và tên: NGUYỄN ĐỨC MINH
- Năm sinh: 1962
- Giới tính: Nam
- Trình độ đào tạo (TS, TSKH) (năm, nơi cấp bằng): Tiến sỹ.
Năm: 2001 tại LB Nga
- Chức danh Giáo sư hoặc Phó giáo sư (năm, nơi bổ nhiệm): PGS.
Năm 2010. Bộ GD&ĐT

- Ngành, chuyên ngành khoa học: Giáo dục học, Giáo dục Đặc biệt
- Chức vụ và đơn vị công tác hiện tại (hoặc đã nghỉ hưu từ năm): Phó Viện trưởng,
Viện KHGD Việt Nam.
- Chức vụ cao nhất đã qua: Phó Viện trưởng.
- Thành viên Hội đồng Giáo sư cơ sở (nếu có) (năm tham gia, tên hội đồng, cơ sở đào tạo):

Hội đồng GS cơ sở, Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam từ 2013.

- Thành viên Hội đồng Giáo sư ngành (năm tham gia, tên hội đồng, nhiệm kỳ): Không
- Thành viên Hội đồng Giáo sư nhà nước (năm tham gia, tên hội đồng, nhiệm kỳ): Không

2. Thành tích hoạt động đào tạo và nghiên cứu (thuộc chuyên ngành đang hoạt động)

2.1. Sách chuyên khảo, giáo trình

a) Tổng số sách đã chủ biên: 10 cuốn. Trong đó có 02 sách chuyên khảo; 04 giáo trình và tài liệu giảng dạy đại học. Trong đó là tác giả của 01 giáo trình.

b) Danh mục sách chuyên khảo, giáo trình trong 05 năm liền kề với thời điểm được bổ nhiệm thành viên Hội đồng gần đây nhất (*tên tác giả, tên sách, nhà xuất bản, năm xuất bản, mã số ISBN, chỉ số trích dẫn*).

1. Nguyễn Đức Minh (chủ biên), Nguyễn Đăng Cúc, Dương Văn Hưng (2017). Chuẩn đánh giá Trung tâm học tập cộng đồng (Sách chuyên khảo). NXB Dân Trí. ISBN: 978-604-88-4551-3.

2.2. Các bài báo khoa học được công bố trên các tạp chí khoa học

a) Tổng số đã công bố: 29 bài báo tạp chí trong nước; 04 bài báo tạp chí quốc tế.

b) Danh mục bài báo khoa học công bố trong 05 năm liền kề với thời điểm được bổ nhiệm thành viên Hội đồng gần đây nhất (*tên tác giả, tên công trình, tên tạp chí, năm công bố*,

chỉ số IF và chỉ số trích dẫn - nếu có):

- Trong nước:

1. Nguyễn Đức Minh (2019). Trung tâm học tập cộng đồng trong xây dựng xã hội học tập. Tạp chí KHGDVN số 18. ISSN 2615-8957. Tr. 6-11.
2. Nguyễn Đức Minh (2017). Trường học mới Việt Nam: Quan điểm xây dựng, thực trạng và giải pháp. Tạp chí KHGD. Số 146. ISSN 0868-3662. Tr.22-27.
3. Nguyễn Đức Minh (2017). Đổi mới đánh giá kết quả giáo dục học sinh phổ thông - Xu hướng và giải pháp. Tạp chí KHGD số 137. ISSN 0868-3662. Tr. 17-21.
4. Nguyen Duc Minh (2017). Assessment in Education – Prerequisite for Success of Education Objectives for Sustainable Development Goals. Vietnam Journal of Education. Vol. 01 (English Version). ISSN 2588- 1477.
5. Nguyễn Đức Minh (2016). Phát triển chương trình giáo dục phổ thông phù hợp với học sinh khuyết tật, học sinh dân tộc thiểu số và học sinh giáo dục thường xuyên. Tạp chí KHGD. Số 131. ISSN 0868-3662. Tr. 15-18.
6. Nguyễn Đức Minh (2016). Giáo dục trẻ khuyết tật Việt Nam: Thành tựu, thách thức và giải pháp. Tạp chí KHGD số Đặc biệt. ISSN 0868-3662. Tr. 17-20
7. Nguyễn Đức Minh (2015). Đánh giá các hoạt động can thiệp sớm trẻ khuyết tật. Tạp chí Khoa học. Volume 60, Number 8c. ISSN 2354-1075. Tr. 31-36.

- Quốc tế:

1. Nguyen Duc Minh (2017). The Role of Community Learning Centers in Building a Learning Society for Development of SDG4 in Vietnam. American International Journal of Social Science. Vol 6 No.4. ISN 2325-4149. P. 80-87.

2.3. Các nhiệm vụ khoa học và công nghệ (chương trình và đề tài tương đương cấp Bộ trở lên)

- a) Tổng số chương trình, đề tài đã chủ trì/chủ nhiệm: 02 cấp Nhà nước; 05 cấp Bộ và tương đương.
- b) Danh mục đề tài tham gia đã được nghiệm thu trong 05 năm liền kề với thời điểm được bổ nhiệm thành viên Hội đồng gần đây nhất (*tên đề tài, mã số, thời gian thực hiện, cấp quản lý đề tài, trách nhiệm tham gia trong đề tài*):
 1. Nghiên cứu Xây dựng chuẩn đánh giá Trung tâm học tập cộng đồng. Đề tài nhà nước. MS: VI2.2-2012.08. Chủ nhiệm
 2. Nghiên cứu các bài học kinh nghiệm từ mô hình trường học mới Việt Nam - VNEN và đề xuất các giải pháp chỉ đạo trong thời gian tới. Nhiệm vụ cấp Bộ.
Mã số: B2017-VKG-10. Chủ nhiệm
 3. Phát triển chương trình giáo dục phổ thông đáp ứng bình đẳng cơ hội tham gia giáo dục của học sinh dân tộc thiểu số, học sinh khuyết tật và học sinh không chính quy. Đề tài cấp Bộ. MS: B2015-37-42NV. Chủ nhiệm.
 4. Đánh giá năng lực của sinh viên tốt nghiệp các trường ĐHSP. Đề tài cấp Viện.

MS: V2015-02VN. Chủ nhiệm.

5. Phân tích sơ bộ kết quả điểm thi THPT quốc gia 2015. Nhiệm vụ cấp Viện. MS: V2015-02VN. Chủ nhiệm.
6. Assessment of Transversal Competencies. UNESCO. 2016. Đề tài có 8 nước tham gia. Chủ trì nhóm nghiên cứu của Việt Nam
7. Nghiên cứu năng lực thực hành nghề nghiệp trong Giáo dục hòa nhập của đội ngũ giáo viên phổ thông. Đề tài nhà nước. MS: VI2.3-2013.01. Thành viên.
8. Nghiên cứu về kinh nghiệm của Hoa Kỳ về đảm bảo chất lượng giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật trí tuệ - giải pháp đề xuất cho Việt Nam. Đề tài Nghị định thư Việt - Mĩ. Bộ KH&CN. Thành viên.

2.4. Công trình khoa học khác (nếu có)

a) Tổng số công trình khoa học khác:

- Tổng số có:0.....sáng chế, giải pháp hữu ích
- Tổng số có:....0.....tác phẩm nghệ thuật
- Tổng số có:....0.....thành tích huấn luyện, thi đấu

b) Danh mục bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích, tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu trong 5 năm trở lại đây (*tên tác giả, tên công trình, số hiệu văn bằng, tên cơ quan cấp*):Không.....

2.5. Hướng dẫn nghiên cứu sinh (NCS) đã có quyết định cấp bằng tiến sĩ

a) Tổng số: 07 NCS đã bảo vệ thành công

b) Danh sách NCS hướng dẫn thành công trong 05 năm liền kề với thời điểm được bổ nhiệm thành viên Hội đồng gần đây nhất (*Họ và tên NCS, đề tài luận án, cơ sở đào tạo, năm bảo vệ thành công, vai trò hướng dẫn*):

STT	Họ và tên	Tên đề tài	Nơi bảo vệ	Năm BV	Vai trò
1	Trần Công Chánh	Phát triển đội ngũ giảng viên trường CĐ Kinh tế kỹ thuật trong bối cảnh hiện nay	Viện KHGDVN	2015	HD2
2	Lý Thanh Hiền	Giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên ngành nông nghiệp tại các cơ sở giáo dục đại học.	Viện KHGDVN	2018	HD2

3. Các thông tin khác

3.1. Danh mục các công trình khoa học chính trong cả quá trình (*Bài báo khoa học, sách chuyên khảo, giáo trình, sáng chế, giải pháp hữu ích, tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu...; khi liệt kê công trình, có thể thêm chú dẫn về phân loại tạp chí, thông tin trích dẫn...)*:

3.2. Giải thưởng về nghiên cứu khoa học trong và ngoài nước (nếu có):

Giải thưởng thi sáng tạo của UNESCO (20.000USD) về can thiệp sớm trẻ khuyết tật dựa vào gia đình tại Bắc Quang, Hà Giang. Năm 2007.

3.3. Các thông tin về chỉ số định danh ORCID, hồ sơ Google scholar, H-index, số lượt trích dẫn (nếu có):.....

3.4. Ngoại ngữ

- Ngoại ngữ thành thạo phục vụ công tác chuyên môn: Đại học
- Mức độ giao tiếp bằng tiếng Anh: Tốt

Tôi xin cam đoan những điều khai trên là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 19 tháng 5 năm 2020.

NGƯỜI KHAI

(Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Đức Minh